

Số: 196 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, lĩnh vực bảo hiểm thất nghiệp tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Vĩnh Long

Thực hiện Quyết định số 344/QĐ-TTr ngày 01/8/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là LĐTĐBXH) về thanh tra việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực người lao động nước ngoài (sau đây viết tắt là NLĐNN) làm việc tại Việt Nam, lĩnh vực bảo hiểm thất nghiệp (sau đây viết tắt là BHTN) của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là Sở), từ ngày 12/8/2024 đến ngày 15/8/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Sở.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 05/9/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ LĐTĐBXH kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin về địa phương

Vĩnh Long là tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long, diện tích tự nhiên 1.525,73 km², dân số 1.029.630 người, trong đó 590.347 người lao động từ 15 tuổi trở lên. Tỉnh có 01 thành phố, 01 thị xã và 06 huyện.

Tại tỉnh có 1.274 doanh nghiệp đang hoạt động với tổng số 77.015 lao động¹, trong đó có 64 doanh nghiệp sử dụng 395 NLĐNN.

2. Thông tin về Sở

2.1. Cơ cấu tổ chức của Sở

Sở là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Vĩnh Long, thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về lao động, tiền lương và việc làm trong khu vực doanh nghiệp; giáo dục nghề nghiệp (trừ sư phạm); bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bảo trợ xã hội; trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội.

Cơ cấu tổ chức của Sở gồm: Giám đốc, 03 Phó giám đốc, Văn phòng Sở, Thanh tra Sở và 06 phòng chuyên môn, nghiệp vụ (Phòng Lao động - Việc làm; Phòng Quản lý giáo dục nghề nghiệp; phòng Kế hoạch Tài chính; Phòng Người có công; Phòng Bảo trợ xã hội, Trẻ em và Bình đẳng giới; Phòng Phòng, chống tệ nạn xã hội).

Sở có 05 đơn vị sự nghiệp trực thuộc gồm: Trung tâm Công tác xã hội; Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Vĩnh Long; Cơ sở Cai nghiện ma túy; Nhà Tang lễ và Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh; Trung tâm Điều dưỡng người có công.

¹Nguồn: Bảo hiểm xã hội tỉnh Vĩnh Long

2.2. Chức năng, nhiệm vụ của đơn vị được giao tham mưu Lãnh đạo Sở quản lý nhà nước về BHTN và NLĐNN làm việc tại Việt Nam

- Phòng Lao động - Việc làm: tham mưu Lãnh đạo Sở LĐTBXH quản lý nhà nước về lĩnh vực lao động; việc làm; người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; tiền lương; bảo hiểm xã hội; BHTN; NLĐNN làm việc tại Việt Nam và an toàn, vệ sinh lao động.

- Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Vĩnh Long (sau đây gọi là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp thuộc Sở, hoạt động tự chủ nhóm 2, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng; thực hiện các nhiệm vụ: tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động, cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động; thu thập, phân tích, dự báo và cung cấp thông tin thị trường lao động và thực hiện chính sách BHTN theo quy định của Luật Việc làm.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH (số liệu từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/7/2024)

1. Công tác quản lý nhà nước về BHTN và NLĐNN làm việc tại địa phương

1.1. Công tác tham mưu, ban hành các văn bản và hướng dẫn cơ quan, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về BHTN, NLĐNN làm việc tại Việt Nam tại địa phương

Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 03 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện thực hiện pháp luật về BHTN và NLĐNN làm việc tại Việt Nam; trực tiếp ban hành 10 văn bản triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về BHTN, NLĐNN làm việc tại địa phương (Phụ lục số 01).

1.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BHTN và NLĐNN làm việc tại Việt Nam

1.2.1. Về chính sách BHTN

Trong thời kỳ thanh tra, Sở, Trung tâm tổ chức tuyên truyền chính sách BHTN đến người sử dụng lao động và người lao động bằng các hình thức như sau:

- Tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng gồm: 08 phóng sự trên Đài Phát thanh - Truyền hình Vĩnh Long; đăng 03 số Báo Lao động xã hội; đăng chuyên mục hỏi đáp chính sách BHTN; 04 số Báo Vĩnh Long các nội dung về chính sách BHTN; trách nhiệm của người sử dụng lao động và người lao động khi tham gia BHTN.

- Tuyên truyền trực tuyến qua Trang thông tin điện tử của Trung tâm: <https://dichvuviclamvinhlong.com.vn> và mạng xã hội (Zalo, Facebook) các nội dung hướng dẫn thủ tục, quy trình liên quan đến thực hiện chính sách BHTN cho người lao động.

- In 15.000 ấn phẩm (tài liệu, cẩm nang, tờ gấp) nội dung về chính sách BHTN phát cho người lao động khi đến nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp và tại 19 phiên giao dịch việc làm kết hợp cả phê việc làm tổ chức định kỳ hằng tháng.

- Hướng dẫn trực tiếp khi người lao động đến nộp hồ sơ giải quyết chế độ BHTN cho 118.482 lượt người (năm 2023 là 80.567 lượt người; 7 tháng đầu năm 2024 là 37.915 lượt người).

- Phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh tổ chức đối thoại trực tiếp với người sử dụng lao động và người lao động tại 10 doanh nghiệp về chính sách BHTN, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

1.2.2. Về NLĐNN làm việc tại Việt Nam

- Ngày 14/3/2023, Sở đã tổ chức hội nghị tập huấn, tuyên truyền cho 20 cán bộ lãnh đạo và cán bộ của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã, thành phố để triển khai các quy định của pháp luật lao động, trong đó có quy định về quản lý NLĐNN làm việc tại địa phương.

- Kể từ ngày 01/01/2024, Trung tâm hỗ trợ cho các doanh nghiệp đăng thông tin tuyển dụng trên Trang thông tin điện tử của Trung tâm để tuyển dụng người lao động Việt Nam vào các vị trí dự kiến sử dụng NLĐNN.

1.3. Công tác phối hợp giữa Sở với các sở, ngành có liên quan trong việc thực hiện chế độ, chính sách BHTN và quản lý NLĐNN tại địa phương

1.3.1. Về thực hiện chế độ, chính sách BHTN

- Phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp, Liên đoàn lao động tỉnh ký Kế hoạch phối hợp số 570/KHPPH-BHXH-LĐLĐ-LĐTĐ&XH-BQLKCN ngày 16/4/2024 tổ chức Hội nghị truyền thông, đối thoại trực tiếp về chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, BHTN.

- Trung tâm phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh và Bưu điện tỉnh ký Quy trình phối hợp số 382/QTPH-BHXH-TTĐVVL-BĐ ngày 16/3/2020 về thực hiện giải quyết, chi trả chế độ BHTN.

1.3.2. Về quản lý NLĐNN

Phối hợp, trao đổi thông tin với Ban Quản lý các khu công nghiệp và Công an tỉnh về các nội dung liên quan đến công tác quản lý NLĐNN tại địa phương theo Quyết định số 2192/QĐ-UBND ngày 17/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành quy chế phối hợp trong công tác quản lý cư trú, hoạt động của người nước ngoài tại địa phương.

1.4. Công tác quản lý NLĐNN

- Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 17/9/2023, việc quản lý nhà nước về NLĐNN tại địa phương thực hiện theo quy định tại Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về NLĐNN làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam (sau đây viết tắt là Nghị định số 152) và Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, theo đó: việc chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN do UBND tỉnh thực hiện; việc cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép lao động và xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động của NLĐNN làm việc trong khu công nghiệp do Ban Quản lý các khu công nghiệp thực hiện, NLĐNN làm việc ngoài khu công nghiệp do Sở thực hiện.

- Từ ngày 18/9/2023, Sở thực hiện việc chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN, cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép lao động, xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho NLĐNN làm việc trong phạm vi toàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung

một số điều của Nghị định số 152 (trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ LĐTBXH) (sau đây viết tắt là Nghị định số 70).

- Việc tiếp nhận hồ sơ chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN, cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép lao động; xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động của NLĐNN thực hiện qua Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh theo Quyết định 1337/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở.

1.5. Việc lập sổ theo dõi về NLĐNN làm việc tại địa phương

Sở đã lập sổ theo dõi NLĐNN làm việc tại địa phương theo biểu mẫu số 14/PLI ban hành kèm theo Nghị định số 152.

1.6. Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất về BHTN, NLĐNN làm việc tại địa phương với UBND tỉnh, Bộ LĐTBXH

- Sở chưa thực hiện báo cáo về tình hình thực hiện BHTN với Bộ LĐTBXH và UBND tỉnh.

- Đã thực hiện báo cáo về tình hình NLĐNN làm việc tại địa phương với Bộ LĐTBXH nhưng chưa đúng thời hạn (Báo cáo số 278/BC-SLĐTBXH ngày 16/8/2023 về tình hình NLĐNN làm việc tại địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm 2023; Báo cáo số 109/BC-SLĐTBXH ngày 29/3/2024 về tình hình NLĐNN làm việc tại địa bàn tỉnh năm 2023; Báo cáo số 253/BC-SLĐTBXH ngày 18/7/2024 về tình hình NLĐNN làm việc tại địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm 2024).

2. Việc thực hiện pháp luật về NLĐNN làm việc tại Việt Nam

2.1. Công tác chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN làm việc tại địa phương

2.1.1. Việc chấp thuận nhu cầu/thay đổi nhu cầu sử dụng NLĐNN đối với từng vị trí, công việc

- Trong thời kỳ thanh tra, Sở đã tiếp nhận, thẩm định 66 văn bản đề nghị sử dụng NLĐNN của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng NLĐNN, trình UBND tỉnh chấp thuận và trực tiếp chấp thuận, trong đó:

+ Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 17/9/2023: giải quyết 12 văn bản với 30 vị trí công việc (nhà quản lý: 04 người, giám đốc điều hành: 01 người, chuyên gia: 23 người, lao động kỹ thuật: 02 người).

+ Từ ngày 18/9/2023 đến hết ngày 09/8/2024: giải quyết 54 văn bản với 291 vị trí công việc (nhà quản lý: 07 người, giám đốc điều hành: 08 người, chuyên gia: 133 người, lao động kỹ thuật: 143 người).

+ Số vị trí công việc không được chấp thuận: không.

* Kiểm tra 66 hồ sơ chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN tại Sở, kết quả:

- 02 văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN ghi không đúng mẫu Phụ lục số 03/PLI ban hành kèm theo Nghị định số 152, cụ thể: thời hạn làm việc chỉ ghi tháng, năm, không ghi ngày (Phụ lục số 02).

- 03 văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN không phù hợp giữa vị trí công việc và chức danh công việc (Phụ lục số 03).

2.1.2. Việc đề nghị các cơ quan, tổ chức của địa phương giới thiệu, cung ứng người lao động Việt Nam cho nhà thầu hoặc phối hợp với các cơ quan, tổ

chức ở địa phương khác để giới thiệu, cung ứng người lao động Việt Nam cho nhà thầu: không phát sinh.

2.1.3. Việc xem xét, quyết định cho nhà thầu được tuyển NLĐNN vào các vị trí công việc không tuyển được người lao động Việt Nam: không phát sinh.

2.1.4. Việc kiểm tra tình hình thực hiện các quy định của pháp luật đối với NLĐNN gói thầu do nhà thầu trúng thầu trên địa bàn thực hiện: không phát sinh.

2.2. NLĐNN không thuộc diện cấp giấy phép lao động (GPLĐ)

2.2.1. Xác nhận NLĐNN không thuộc diện cấp GPLĐ:

- Số hồ sơ đề nghị xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ: 11 hồ sơ.
- Số người được xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ: 11 người (trong đó: 09 người nước ngoài kết hôn với người Việt Nam và đang sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam, 02 người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp).

- Số người không được xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ: 0 người.

2.2.2. Trường hợp không phải làm thủ tục xác nhận NLĐNN không thuộc diện cấp GPLĐ

- Tổng số người được các đơn vị sử dụng lao động báo cáo không phải làm thủ tục xác nhận NLĐNN không thuộc diện cấp GPLĐ: 01 người (trường hợp ông Chung, Chen-Chia, là thành viên góp vốn có giá trị góp vốn từ 03 tỷ đồng trở lên tại Công ty TNHH Tỷ Xuân).

- Số người đúng đối tượng: 01 người.

- Số trường hợp không đúng đối tượng: không.

2.3. Công tác tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi GPLĐ

2.3.1. Cấp GPLĐ

- Số hồ sơ đã tiếp nhận: 153 hồ sơ.

- Số người đã được cấp GPLĐ: 153 người.

- Số hồ sơ bị từ chối giải quyết: 0 hồ sơ.

- Số hồ sơ đã tiếp nhận đang trong thời gian giải quyết: 0 hồ sơ.

- Số hồ sơ quá thời hạn giải quyết: 0 hồ sơ.

* Kiểm tra 153 hồ sơ Sở cấp GPLĐ trong thời kỳ thanh tra, kết quả:

+ 01 trường hợp cấp mới GPLĐ, thời hạn nộp hồ sơ không đảm bảo trước ít nhất 15 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng NLĐNN theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 152 (lao động Jenny Bangniwan Anayasan làm việc tại Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Giáo dục UNIPO, GPLĐ số 035049/2023/SLĐ-GP ngày dự kiến sử dụng NLĐNN: 25/3/2023, ngày người sử dụng lao động nộp hồ sơ đề nghị cấp GPLĐ: 21/3/2023).

+ 03 trường hợp thời hạn làm việc ghi tại GPLĐ không phù hợp với thời gian làm việc tại văn bản chấp thuận vị trí công việc sử dụng NLĐNN (làm việc tại Công ty TNHH Tỷ Bách), cụ thể: GPLĐ số 035093/2023/SLĐ-GP cấp ngày 28/9/2023 và GPLĐ số 035094/2023/SLĐ-GP cấp ngày 28/9/2023, thời hạn làm việc tại giấy phép từ ngày 12/10/2023 đến ngày 11/10/2025, thời hạn làm việc tại

văn bản chấp thuận số 440/BQL-DN ngày 11/7/2023 của Ban Quản lý các khu công nghiệp Vĩnh Long từ tháng 11/2023 đến tháng 10/2025; GPLĐ số 035100/2023/SLĐ-GP cấp ngày 17/10/2023, thời hạn làm việc ghi tại GPLĐ từ ngày 28/10/2023 đến ngày 27/10/2025, thời hạn làm việc tại văn bản chấp thuận số 440/BQL-DN ngày 11/7/2023 của Ban Quản lý các khu công nghiệp Vĩnh Long từ tháng 10/2023 đến tháng 9/2025).

2.3.2. Cấp lại GPLĐ

- Số hồ sơ đã tiếp nhận: 14 hồ sơ.
- Số người đã được cấp lại GPLĐ: 14 người.
- Số hồ sơ bị từ chối giải quyết: 0 hồ sơ.
- Số hồ sơ đã tiếp nhận đang trong thời gian giải quyết: 0 hồ sơ.
- Số hồ sơ quá thời hạn giải quyết: 0 hồ sơ.

2.3.3. Gia hạn GPLĐ

- Số hồ sơ đã tiếp nhận: 56 hồ sơ.
- Số người đã được gia hạn GPLĐ: 56 người.
- Số hồ sơ bị từ chối giải quyết: 0 hồ sơ.
- Số hồ sơ đã tiếp nhận đang trong thời gian giải quyết: 0 hồ sơ.
- Số hồ sơ quá thời hạn giải quyết: 0 hồ sơ.

* Kiểm tra 56 hồ sơ gia hạn GPLĐ tại Sở, kết quả: có 01 trường hợp gia hạn GPLĐ không đúng quy định, cụ thể: thời hạn làm việc ghi tại GPLĐ không phù hợp với thời gian làm việc tại văn bản chấp thuận vị trí công việc sử dụng NLĐNN (làm việc tại Công ty TNHH Tỷ Xuân), cụ thể: GPLĐ số 086241000.097 cấp ngày 04/3/2024, thời hạn làm việc ghi tại GPLĐ từ ngày 23/3/2024 đến ngày 22/3/2026, thời hạn làm việc tại văn bản chấp thuận số 2309/SLĐTBXH-LĐVL ngày 22/12/2023 của Sở LĐTBXH từ ngày 23/4/2024 đến ngày 22/3/2026).

2.3.4. Số GPLĐ bị thu hồi

- Số GPLĐ thuộc trường hợp thu hồi trong thời kỳ thanh tra: 114 GPLĐ, trong đó:
 - + Số GPLĐ hết hiệu lực: 114 GPLĐ.
 - + Số GPLĐ bị thu hồi theo khoản 2, khoản 3 Điều 20 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP: 0 GPLĐ.
 - Số GPLĐ đã thu hồi: 114 GPLĐ.
 - Số GPLĐ chưa thu hồi: 0 GPLĐ.
- Sở đã yêu cầu người sử dụng lao động gửi hợp đồng lao động đã giao kết với NLĐNN về Sở, tại thời điểm ngày 31/7/2024 còn 32 hợp đồng lao động chưa được gửi về Sở (Phụ lục số 04).

3. Việc thực hiện các chế độ về BHTN

3.1. Chế độ hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm

Trung tâm đã bố trí đủ người và thiết bị hỗ trợ hiện đại (tại trụ sở chính và Chi nhánh Hòa Phú) để thực hiện tư vấn, giới thiệu việc làm và giải quyết chế độ BHTN cho người lao động, kết quả như sau:

- Số người lao động được tư vấn, giới thiệu việc làm: 122.192 lượt người.
- Số người lao động có việc làm sau khi được giới thiệu: 1.386 người.
- Số người lao động 02 lần từ chối việc làm do Trung tâm giới thiệu: 0 người.

3.2. Chế độ trợ cấp thất nghiệp (TCTN)

3.2.1. Kết quả giải quyết

- Số hồ sơ đề nghị hưởng TCTN đã tiếp nhận là 20.497 hồ sơ, trong đó:
 - + Số hồ sơ đã được giải quyết: 20.497 hồ sơ;
 - + Số hồ sơ đã tiếp nhận đang trong thời hạn giải quyết: 0 hồ sơ;
 - + Số hồ sơ bị từ chối giải quyết: 0 hồ sơ.
- Số người được hưởng TCTN/số tiền hưởng: 20.497 người/364.379.277.570 đồng theo quyết định hưởng.
- Số người tạm dừng hưởng/số tiền hưởng: 178 người/476.141.558 đồng.
- Số người chấm dứt hưởng/số tiền hưởng: 973 người/2.403.038.274 đồng.
- Số người chưa nhận tiền TCTN: 0 người.
- Số người chuyển hưởng đi nơi khác: 49 người.
- Số người chuyển đến hưởng tại địa phương: 89 người.

* Kiểm tra 300 hồ sơ hưởng TCTN, 50 hồ sơ tạm dừng hưởng TCTN, 20 hồ sơ chấm dứt hưởng TCTN, 10 hồ sơ chuyển hưởng đến, 10 hồ sơ chuyển hưởng đi, kết quả:

- Có 38 thông báo tìm kiếm việc làm hằng tháng của 13 người lao động không ghi nội dung tại mục “kết quả tìm kiếm việc làm” theo mẫu số 16 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp (sau đây viết tắt là Thông tư số 28) và Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28 (sau đây viết tắt là Thông tư số 15) (Phụ lục số 05).

- Trung tâm trình Giám đốc Sở LĐTBXH ban hành quyết định tạm dừng hưởng TCTN quá thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày người lao động không đến thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng theo quy định (Quyết định tạm dừng hưởng TCTN số 90/QĐ-SLĐTBXH ngày 04/12/2023, ngày người lao động không đến thông báo về việc tìm kiếm việc làm là ngày 29/11/2023).

3.2.2. Thu hồi TCTN hưởng sai quy định

- Sở đã chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc thu hồi tiền TCTN hưởng sai quy định.

- Số người hưởng TCTN sai quy định/số tiền phải thu hồi: 99 người/397.062.847 đồng.

- Số người hưởng TCTN sai quy định đã thu hồi/số tiền đã thu hồi: 88 người/322.383.202 đồng.

- Tại thời điểm thanh tra số người hưởng TCTN sai quy định/số tiền còn phải thu hồi (lũy kế): 11 người/74.679.645 đồng (Phụ lục số 06); trong đó 05 người hưởng TCTN sai quy định phát sinh từ ngày 01/01/2023 đến ngày 09/8/2024 với số tiền là 19.307.480 đồng.

- 05 trường hợp hưởng TCTN sai quy định (người lao động có việc làm nhưng đã thông báo không trung thực với Trung tâm), Bảo hiểm xã hội tỉnh đã gửi văn bản kèm theo hợp đồng lao động của người lao động đang hưởng TCTN nhưng đã có việc làm mới đến Trung tâm; tuy nhiên, Trung tâm chưa tham mưu trình Giám đốc Sở ban hành quyết định chấm dứt hưởng TCTN (Phụ lục số 07).

3.3. Chế độ hỗ trợ học nghề (HTHN)

- Trung tâm thực hiện mức HTHN theo Quyết định số 17/2021/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quy định HTHN đối với người lao động tham gia BHTN, cụ thể:

+ Thời gian HTHN: từ 1,5 tháng đến 06 tháng (theo từng nghề đào tạo).

+ Mức HTHN: đối với khoá đào tạo dưới 03 tháng hỗ trợ tối đa 1.500.000 đồng/người/khoá; đối với khoá đào tạo trên 3 tháng hỗ trợ tối đa 4.500.000 đồng/người/tháng.

- Kết quả giải quyết (từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/7/2024):

+ Số hồ sơ đề nghị đã tiếp nhận: 3.161 hồ sơ.

+ Số hồ sơ đã được giải quyết: 3.161 hồ sơ, chi tiết như sau:

STT	Tên cơ sở dạy nghề	Số hồ sơ
1	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Vĩnh Long	290
2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Thẩm mỹ Nguyễn My Vĩnh Long	47
3	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Nguyễn Phong	505
4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Đào tạo lái xe ô tô Gia Thịnh	222
5	Công ty TNHH MTV Truyền thông đào tạo cuộc sống mới - Chi nhánh Vĩnh Long	2.097

+ Số hồ sơ đã tiếp nhận đang trong thời hạn giải quyết: 0 hồ sơ.

+ Số hồ sơ bị từ chối giải quyết: 0 hồ sơ.

+ Số tiền HTHN: 13.392.000.000 đồng.

+ Số tiền chưa chi: Trung tâm không thống kê được.

+ Số quyết định hủy quyết định hưởng HTHN: 535 quyết định, lý do: người lao động không đến nhận quyết định HTHN.

+ Thu hồi HTHN hưởng sai quy định: 08 người/22.500.000 đồng; số tiền đã thu hồi: 22.500.000 đồng; số tiền còn phải thu hồi: 0 đồng.

* Kiểm tra 250 hồ sơ HTHN, kết quả: Trung tâm tham mưu Sở ban hành 08 quyết định HTHN cho 08 người lao động học nghề lái xe hạng C trong thời gian 06 tháng là không đúng quy định (Thông tư số 04/2022/TT-BGTVT ngày

22/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thời gian đào tạo nghề lái xe hạng C là 140 ngày); tổng số tiền hưởng sai quy định là 12.000.000 đồng (Phụ lục số 08).

3.4. *Chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động*

Không phát sinh.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo BHTN và NLĐNN làm việc tại địa phương

4.1. Công tác thanh tra

- Trong thời kỳ thanh tra, Sở chưa lập kế hoạch thanh tra chuyên đề về BHTN và NLĐNN tại địa bàn tỉnh.

- Số cuộc thanh tra đột xuất: không phát sinh.

4.2. Công tác kiểm tra

- Số cuộc kiểm tra đã tiến hành/số cuộc theo kế hoạch (kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN): 02 cuộc với tổng số 09 doanh nghiệp được kiểm tra.

- Số cuộc kiểm tra đột xuất: không phát sinh.

- Số sai phạm đã kiến nghị: 07 kiến nghị.

- Tình hình thực hiện kiến nghị sau kiểm tra: đối tượng kiểm tra đã thực hiện 7/7 kiến nghị.

4.3. Công tác xử lý vi phạm về BHTN và NLĐNN làm việc tại địa phương

- Số quyết định xử phạt vi phạm hành chính/số tiền xử phạt: Sở đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 02 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 02 doanh nghiệp do hành vi chậm đóng BHXH bắt buộc, BHTN với tổng số tiền xử phạt là 175.858.518 đồng.

- Tình hình thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả: đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính đã thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả.

4.4. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về BHTN và NLĐNN làm việc tại địa phương

Số đơn khiếu nại, tố cáo Sở nhận được trong thời kỳ thanh tra: không phát sinh.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về BHTN và NLĐNN làm việc tại Việt Nam đã được Sở thực hiện

1.1. Đã kịp thời tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật về BHTN, NLĐNN làm việc tại Việt Nam; trực tiếp ban hành văn bản triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về BHTN, NLĐNN làm việc tại địa phương.

1.2. Đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về BHTN, NLĐNN cho các đơn vị, doanh nghiệp tại địa bàn tỉnh và chỉ đạo Trung tâm thực hiện tuyên truyền về chính sách BHTN với nhiều hình thức.

1.4. Đã phối hợp với các Sở, ngành trong việc thực hiện chế độ, chính sách BHTN và quản lý NLĐNN tại địa phương.

1.5. Đã thực hiện việc đăng tuyển, chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN, cấp GPLĐ, cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ trực tuyến qua phần mềm một cửa của tỉnh.

1.6. Đã lập sổ theo dõi về NLĐNN làm việc tại địa phương và cập nhật thông tin về NLĐNN.

1.7 Đã triển khai thực hiện công tác kiểm tra về nội dung BHTN (lồng ghép trong các cuộc kiểm tra về BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN) theo kế hoạch.

2. Những quy định của pháp luật về BHTN, NLĐNN làm việc tại Việt Nam chưa được Sở thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Chưa thực hiện báo cáo về tình hình thực hiện BHTN với UBND tỉnh và Bộ LĐTBXH theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp (sau đây viết tắt là Nghị định số 28); Báo cáo định kỳ về tình hình NLĐNN làm việc tại địa phương với Bộ LĐTBXH không đúng thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152.

2.2. Có 02 văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN ghi không đúng mẫu Phụ lục số 03/PLI ban hành kèm theo Nghị định số 152 (Phụ lục số 02).

2.3. Có 03 văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng NLĐNN không phù hợp giữa vị trí công việc và chức danh công việc (Phụ lục số 03).

2.4. Có 01 trường hợp cấp GPLĐ, thời hạn nộp hồ sơ không đảm bảo trước ít nhất 15 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng NLĐNN theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 152 (Jenny Bangniwan Anayasan làm việc tại Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Giáo dục UNIPO, GPLĐ số 035049/2023/SLĐ-GP ngày dự kiến sử dụng NLĐNN: 25/3/2023, ngày người sử dụng lao động nộp hồ sơ đề nghị cấp GPLĐ: 21/3/2023).

2.5. Sở cấp GPLĐ cho NLĐNN làm việc tại Công ty TNHH Tỷ Bách có thời hạn trước thời hạn được chấp thuận (GPLĐ số 035093/2023/SLĐ-GP và GPLĐ số 035094/2023/SLĐ-GP, thời hạn làm việc tại GPLĐ từ ngày 12/10/2023 đến ngày 11/10/2025, thời hạn làm việc tại văn bản chấp thuận số 440/BQL-DN ngày 11/7/2023 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh từ tháng 11/2023 đến tháng 10/2025) và sau tháng được chấp thuận (GPLĐ số 035100/2023/SLĐ-GP, thời hạn làm việc ghi tại GPLĐ từ ngày 28/10/2023 đến ngày 27/10/2025, thời hạn làm việc tại văn bản chấp thuận số 440/BQL-DN ngày 11/7/2023 của Ban Quản lý các khu công nghiệp Vĩnh Long từ tháng 10/2023 đến tháng 9/2025) là không đúng quy định tại khoản 9 Điều 10 Nghị định số 152.

2.6. Có 01 trường hợp gia hạn GPLĐ không đúng quy định, cụ thể: thời hạn làm việc ghi tại GPLĐ không phù hợp với thời gian làm việc tại văn bản chấp thuận

vị trí công việc sử dụng NLĐNN làm việc tại Công ty TNHH Tỷ Xuân, cụ thể: GPLĐ số 086241000.097, thời hạn làm việc ghi tại GPLĐ từ ngày 23/3/2024 đến ngày 22/3/2026, thời hạn làm việc tại văn bản chấp thuận số 2309/SLĐTBXH-LĐVL ngày 22/12/2023 của Sở LĐTBXH ghi từ ngày 23/4/2024 đến ngày 22/3/2026).

2.7. Tại thời điểm ngày 31/7/2024 còn 32 HĐLĐ của NLĐNN chưa được gửi về Sở (Phụ lục số 04) theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 152.

2.8. Có 38 thông báo tìm kiếm việc làm người lao động không ghi nội dung tại mục “kết quả tìm kiếm việc làm” theo mẫu số 16 ban hành kèm theo Thông tư số 28 và Thông tư số 15 (Phụ lục số 05).

2.9. Sở ban hành quyết định tạm dừng hưởng TCTN quá thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày người lao động không đến thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng theo quy định là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 28.

2.10. Chưa thu hồi dứt điểm số tiền TCTN hưởng sai quy định đối với 11 người với tổng số tiền là 74.679.645 đồng theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28 (Phụ lục số 06).

2.11. Trung tâm chưa tham mưu trình Giám đốc Sở ban hành quyết định chấm dứt hưởng TCTN đối với 05 trường hợp hưởng TCTN sai quy định mà Bảo hiểm xã hội tỉnh đã gửi văn bản kèm theo hợp đồng lao động của người lao động đang hưởng TCTN nhưng đã có việc làm mới đến Trung tâm (Phụ lục số 07).

2.12. Ban hành 08 quyết định HTHN cho 08 người lao động học nghề lái xe hạng C trong thời gian 06 tháng là không đúng quy định (Thông tư số 04/2022/TT-BGTVT ngày 22/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thời gian đào tạo nghề lái xe hạng C là 140 ngày); tổng số tiền hưởng sai quy định là 12.000.000 đồng (Phụ lục số 08).

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH yêu cầu Giám đốc Sở khắc phục sai phạm nêu tại khoản 2 mục III Kết luận thanh tra này như sau:

1. Chỉ đạo Trung tâm khắc phục các thiếu sót nêu tại điểm 2.8, 2.9 khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra khi phát sinh.

2. Ban hành quyết định chấm dứt hưởng TCTN đối với 05 trường hợp hưởng TCTN sai quy định nêu tại điểm 2.11 và thực hiện thu hồi số tiền người lao động hưởng sai quy định.

3. Ban hành quyết định thu hồi HTHN đối với 08 trường hợp hưởng HTHN sai quy định nêu tại điểm 2.12.

4. Khắc phục các thiếu sót nêu tại điểm 2.1, 2.2, 2.3 khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này khi phát sinh.

5. Thu hồi GPLĐ cấp không đúng quy định nêu tại điểm 2.5, 2.6 khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra.

6. Yêu cầu người sử dụng lao động nộp 32 hợp đồng lao động về Sở nêu tại điểm 2.8 khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra.

7. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan thu hồi số tiền hưởng TCTN sai quy định nêu tại điểm 2.10, điểm 2.11 và số tiền hưởng HTHN sai quy định nêu tại điểm 2.12 khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra.

8. Chỉ đạo, tổ chức kiểm điểm, xử lý trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan để xảy ra sai sót nêu tại khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này.

9. Niêm yết công khai kết luận thanh tra tại trụ sở làm việc của Sở ít nhất 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

VI. KIẾN NGHỊ NHỮNG HẠN CHẾ, BẮT CẬP CỦA PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN

Không.

VII. THỜI HẠN THỰC HIỆN

Giám đốc Sở báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra kèm theo tài liệu chứng minh đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12, phố Ngô Quyền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 31/10/2024./.

Nơi nhận:

- Sở LĐTBXH tỉnh Vĩnh Long (để t/h);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Công TTĐT Bộ; trang TTĐT TTr Bộ;
- Lưu: TTr, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Anh Tuấn